

Bản án số: 127/2023/DS-PT

Ngày: 25/7/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 83/2023/TLPT-DS ngày 31/5/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2023/QĐ-PT ngày 19/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ K; Sinh năm 1961; Địa chỉ: Số C, ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Kim T; Sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp T, xã Viên B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

2. Bà Lưu Thị Hồng P; Sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp T, xã Viên B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Người kháng cáo: Bà Lưu Thị Hồng P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án tại tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ K trình bày như sau:

Vào khoảng tháng 7 năm 2017 bà **Trần Thị Mỹ K**-Chủ kinh doanh Tài Thạnh với ông **Kim T** và bà **Lưu Thị Hồng P** có thỏa thuận mua bán bằng lời nói rằng bà **K** sẽ cung cấp các loại thức ăn, thuốc thủy sản cho ông **Kim T**, bà **P**. Ông **T** và bà **P** mua hàng của bà **K** từ ngày 06/7/2017 đến ngày 09/5/2019. Trong thời gian này ông **T** và bà **P** đã qua nhiều vụ nuôi tôm, nhưng mỗi lần kết thúc vụ nuôi, ông **T**, bà **P** lại không thanh toán đủ số tiền phát sinh cho bà **K**, tổng cộng nợ được cộng dồn đến ngày 09/5/2019 của ông **T**, bà **P** là 524.016.000 đồng. Ông **T** đã ký xác nhận số tiền nợ này vào sổ mua bán nợ. Đến ngày 14/5/2019, ông **T** và bà **P** có trả lại cho bà **K** 32 bao thức ăn. Được quy ra tiền là 21.632.000 đồng, số tiền này được trừ vào công nợ của ông **T** và bà **P**. Như vậy tính đến ngày 14/5/2019 ông **T** và bà **P** còn nợ lại bà **K** số tiền: 502.384.000 đồng. Từ đó đến nay ông **T** và bà **P** không còn mua bán với bà **K** và cũng không thanh toán số tiền còn nợ đã gây ra cho bà **K** khó khăn và thiệt hại.

Nay bà **Trần Thị Mỹ K** yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông **Kim T** và bà **Lưu Thị Hồng P1** phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà **Trần Thị Mỹ K** số tiền nợ gốc là 502.384.000 đồng; Buộc ông **T** và bà **P1** phải trả thêm phần lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 10%/năm, tương ứng 0.833%/tháng, tính từ ngày 14/5/2019 DL đến ngày xét xử sơ thẩm là 197.664.827 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 700.048.847 đồng và lãi suất tính tiếp khi ông **T** và bà **P1** thanh toán dứt nợ cho bà **K** theo lãi suất 10%/năm, yêu cầu trả đủ 01 lần

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn **Lưu Thị Hồng P** trình bày như sau:*

Vào khoảng tháng 7 năm 2017 bà **Trần Thị Mỹ K**-Chủ kinh doanh Tài Thạnh với ông **Kim T** và bà **Lưu Thị Hồng P** có thỏa thuận mua bán bằng lời nói rằng bà **K** sẽ cung cấp các loại thức ăn, thuốc thủy sản cho ông **Kim T**, bà **P**. Ông **T** và bà **P** mua hàng của bà **K** từ ngày 06/7/2017 đến ngày 09/5/2019. Do nuôi tôm thất bại nên có vụ vợ chồng ông **T**, bà **P** trả đủ cho bà **K** có vụ ông **T**, bà **P** nợ lại bà **K**, sau đó ông **T**, bà **P** không có trả tiền cho bà **K**, nên hiện nay còn nợ là: 502.384.000 đồng. Từ đó đến nay ông **T** và bà **P** không còn mua bán với bà **K** và cũng không thanh toán số tiền còn nợ cho bà **K**. Bà **P** thừa nhận hiện nay vợ chồng ông **T**, bà **P** còn nợ bà **K** số tiền gốc là 502.384.000 đồng và tiền lãi, ông **T**, bà **P** thống nhất hoàn trả tiền cho bà **K** số tiền gốc là 502.384.000 đồng và tiền lãi, nhưng hiện nay kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, nên bà **P** đề nghị bà **K** cho ông **T**, bà **P** xin trả dần số tiền trên mỗi quus trả số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng. Sau khi trả đủ tiền gốc sẽ chuyển sang trả lãi.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 117, 119, 398, 357, 430, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 09 của nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 17 Luật Phí và Lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Mỹ K.**

Buộc ông **Kim T** và bà **Lưu Thị Hồng P** có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà **Trần Thị Mỹ K** số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng số tiền 700.048.827 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 26/4/2023, bị đơn bà **Lưu Thị Hồng P** nộp đơn kháng cáo trực tiếp đến Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông **Kim T** và bà **Lưu Thị Hồng P** được trả dần số nợ 700.048.827 đồng cho bà **Trần Thị Mỹ K**

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Ông **Kim T** là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo đề ngày 26/4/2023 do bị đơn **Lưu Thị Hồng P** gửi đến Tòa án nhân dân huyện Trần Đề ngày 26/4/2023 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn, hình thức và nội dung kháng cáo theo quy định các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đều xác định vào khoảng tháng 7 năm 2017 bà **Trần Thị Mỹ K**-Chủ kinh doanh Tài Thạnh với ông **Kim T** và bà **Lưu Thị Hồng P** có thỏa thuận mua bán bằng lời nói rằng bà **K** sẽ cung cấp các loại thức ăn, thuốc thủy sản cho ông **Kim T**, bà **P**. Ông **T** và bà **P** mua hàng của bà **K** từ ngày 06/7/2017 đến ngày 09/5/2019. Trong thời gian này ông **T** và bà **P** đã qua nhiều vụ nuôi tôm, nhưng mỗi lần kết thúc vụ nuôi, ông **T**, bà **P** lại không thanh toán đủ số tiền phát sinh cho bà **K**, tổng cộng nợ được cộng dồn đến ngày 09/5/2019 của ông **T**, bà **P** là 524.016.000 đồng. Ông **T** đã ký xác nhận số tiền nợ này vào sổ mua bán nợ. Đến ngày 14/5/2019, ông **T** và bà **P** có trả lại cho bà **K** 32 bao thức ăn. Được quy ra tiền là 21.632.000 đồng, số tiền này được trừ vào công nợ của ông **T** và bà **P** đến ngày 14/5/2019 ông **T** và bà **P** còn nợ lại bà **K** số tiền: 502.384.000 đồng. Bà **P** thừa nhận hiện nay vợ chồng ông **T**, bà **P** còn nợ bà **K** số tiền gốc là 502.384.000 đồng và tiền lãi, ông **T**, bà **P** thống nhất hoàn trả tiền cho bà **K** số tiền gốc là 502.384.000 đồng và tiền lãi, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 luật tố tụng dân sự công nhận đây là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử xét sơ thẩm xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng số tiền 700.048.827 đồng là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về việc được trả dần số nợ 700.048.827 đồng cho bà **Trần Thị Mỹ K**. Xét, Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần khoản nợ đến khi dứt nợ. Việc xem xét cho trả dần không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là bà **Lưu Thị Hồng P** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà **Lưu Thị Hồng P**.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 117, 119, 398, 357, 430, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 09 của nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 17 Luật Phí và Lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Mỹ K.**

Buộc ông **Kim T** và bà **Lưu Thị Hồng P** có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà **Trần Thị Mỹ K** số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng số tiền 700.048.827 đồng. Tuyên xử:

Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Kim T** và bà **Lưu Thị Hồng P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.001.953 đồng.

- Bà **Trần Thị Mỹ K** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà **Trần Thị Mỹ K** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.479.260 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006617 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Lưu Thị Hồng P** chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006756 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, bà **P** đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hữu